TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 353/2024/HSST
Ngày: 26/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B – TP H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang H
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương M T
  2. Ông Nguyễn M T
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu H, Thư ký Tòa án.
- *Đại diện VKSND quận B, Thành, phố H tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan A, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 328/2024/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2024/QĐXX, ngày 06/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Thu Q** -Sinh năm: 14/02/1996; Giới tính: Nữ; HKTT và chỗ ở : Đội 16, xã V, huyện M, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Đinh Văn N -Sinh năm: 1974; Họ và tên mẹ: Phạm Thị M - Sinh năm: 1975; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Họ và tên chồng: Đinh Văn T - Sinh năm: 1995; Có 01 con - Sinh năm 30/10/2021. Theo danh chỉ bản số: 486 ngày 03/8/2024 thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Đào Thanh T – Sinh năm: 1989 và chị Đỗ Thị H – Sinh năm: 1991;
Cùng HKTT và cư trú: xã H, huyện V, tỉnh T.
(Anh T và chị H đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 25 phút ngày 06/10/2020, anh Đào Thanh T đến công an phường Phú Diễn, quận B, TP.H tố giác bị cáo Đinh Thu Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản là số tiền 26.000.000

đồng thông qua việc nhận tiền để làm thủ tục cho anh T đi xuất khẩu lao động vào ngày 09/12/2019 tại Công ty cổ phần quản lý tư vấn đầu tư H có địa chỉ tại số 541, ngõ 68 đường P, phường P, quận B, thành phố H.

Vật chứng thu giữ gồm:

*** Thu giữ của anh Đào Thanh T:**

- 01 phiếu thu nội dung: Người nộp tiền Đỗ Thị H lý do nộp tạm giữ hộ lao động số tiền 02 triệu đồng, người nhận Đinh Thu Q;

- 01 phiếu thu nội dung: Người nộp tên Đào Thanh T, lý do nộp tạm giữ hộ lao động số tiền 24 triệu đồng, người nhận Đinh Thu Q;

Ngày 11/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận B ra Quyết định trưng cầu giám định số 01 trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định chữ ký, chữ viết của Đinh Thu Q.

Kết luận giám định số 9032 ngày 26/02/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: ***Chữ viết, chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ chữ viết, chữ ký dưới mục "Người Nộp tiền") so với chữ viết, chữ ký của Đinh Thu Q trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết, ký ra***.

Quá trình điều tra xác định:

Cuối năm 2018, Dương Thị M (SN 1980, HKTT: Thị trấn H, huyện T, tỉnh B) làm cộng tác viên cho công ty Cổ phần quản lý tư vấn đầu tư nhân lực H có địa chỉ tại số 541/68 đường P, phường P, quận B, thành phố H, việc liên kết chỉ thỏa thuận bằng miệng. Sau đó, M thuê Đinh Thu Q và Hoàng Văn H (SN 1996, HKTT: xã H, huyện H, tỉnh N) cùng một số người khác làm cho M về lĩnh vực xuất khẩu lao động. M giao cho Q nhiệm vụ tư vấn cho khách hàng có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, nhận hồ sơ và tiền cọc sau đó viết phiếu thu tiền cho khách rồi chuyển lại cho M.

Khoảng tháng 9/2019, anh T có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và được bạn giới thiệu cho anh T đến gặp Đinh Thu Q. Ngày 09/12/2019, anh T cùng vợ là chị Đỗ Thị H đến gặp Q tại tầng 2 trụ sở công ty Cổ phần quản lý tư vấn đầu tư nhân lực H. Tại đây, Q nhận mình là nhân viên công ty H, làm về lĩnh vực xuất khẩu lao động, sau khi tư vấn trực tiếp, Q yêu cầu anh T đặt cọc 24.000.000 đồng, thì anh T đồng ý và đã đặt cọc cho Q số tiền 24.000.000 đồng, ngoài ra chị H còn cọc trước cho Q 2.000.000 đồng nhờ Q làm thủ tục nếu có suất đi Đài Loan. Quá trình đặt cọc bằng tiền mặt Q có viết 02 phiếu thu tiền và hẹn khoảng 01 tháng sau anh T sẽ được đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên, sau đó anh T không đi được Đài Loan nên đã nhiều lần liên lạc lại với Q và đến địa chỉ số 541/68 đường P, phường P, quận B, thành phố H tìm Q nhưng được biết Q đã nghỉ việc. Do

đó, anh T đã chụp ảnh chứng M thư của Q đưa lên facebook nói về việc Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 26.000.000 đồng của anh T.

Đến ngày 05/10/2020, Q liên lạc với anh T và hẹn trưa 06/10/2020 gặp nhau để trao đổi. Khoảng 14 giờ ngày 06/10/2020 anh T và Q gặp nhau tại cửa hàng C đường T, quận C, thành phố H, Q nói làm nhân viên cho chị Dương Thị M, chị M là người chỉ đạo Q nhận tiền của anh T, sau khi nhận tiền Q đã đưa lại cho Nguyễn Hữu V (SN 2000, HKTT: C, quận B, thành phố H) là con của Dương Thị M. Quá trình giao tiền có anh Hoàng Văn H chứng kiến. Sau đó Q đưa anh T đến quán 168 T gặp chị M. Tuy nhiên chị M, anh Việt phủ nhận việc chỉ đạo Q nhận tiền của anh T và khẳng định không cầm số tiền 26.000.000 đồng, không nhận hồ sơ của anh T và cũng không biết việc Q nhận tiền của anh T để làm thủ tục cho anh T đi xuất khẩu lao động nên anh T đã đến công an phường P trình báo sự việc trên.

Tại cơ quan điều tra, Đinh Thu Q đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai khi anh T đến công ty H để gặp Q tư vấn thì Q đã báo lại cho chị M, chị M đồng thời sau khi nhận tiền Q có báo chị M thì chị M bảo Q đưa lại số tiền anh T đặt cọc cho Việt.

Nguyễn Hữu Việt khai nhận cùng mẹ là Dương Thị M ngồi làm việc tại văn phòng công ty H, V có nhiệm vụ làm quảng cáo, quá trình làm việc V không nhận khoản tiền 26.000.000 đồng từ Đinh Thu Q.

Hoàng Văn H khai ngày 09/12/2020, H thấy chị M và Q nói chuyện qua điện thoại, chị M chỉ đạo về việc tư vấn cho anh T. Khi anh T đặt cọc số tiền 26.000.000 đồng thì Q nhận tiền và đã chuyển lại cho V.

Đối với Dương Thị M, M khai chỉ ngồi nhờ tại trụ sở công ty H để tìm khách đi xuất khẩu lao động, M không làm việc chính thức và cũng không sở hữu công ty nào liên quan đến lĩnh vực xuất khẩu lao động. M thuê Q làm nhân viên tư vấn, nhận hồ sơ, nhận tiền cọc của khách, nếu có khách đến thì nhận là nhân viên của công ty H để khách tin tưởng. Tuy nhiên M không biết trường hợp anh Đào Thanh T đến gặp Q nộp hồ sơ và tiền cọc để đi xuất khẩu lao động, không nhận tiền đặt cọc của anh T. Ngoài lời khai của Q và H không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng M nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Dương Thị M. Ngày 03/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận B đã ra Quyết định tách hành vi và lài liệu liên quan đến hành vi của Dương Thị M để tiếp tục điều tra làm rõ theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đinh Thu Q đã bồi thường cho anh T, chị H số tiền 26.000.000 đồng, anh T, chị Hđã nhận tiền và không có yêu cầu đề nghị gì về phần bồi thường dân sự va có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Thu Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng số: 326 /CT-VKSBTL, ngày 21/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận B, TP. H đã công bố tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo Đinh Thu Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội. Đại diện VKSND quận B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm b,i,s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đinh Thu Q mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận B; Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời của người bị hại, cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 09/12/2020, tại tầng 2 công ty Cổ phần quản lý tư vấn đầu tư nhân lực H có địa chỉ tại số 541/68 đường P, phường P, quận B, TP.H, bị cáo Đinh Thu Q mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ đưa người đi xuất khẩu lao động và không phải nhân viên của công ty H nhưng đã đưa ra thông tin gian dối về việc đưa được anh Đào Thanh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để lừa đảo chiếm đoạt tài sản tổng số tiền 26.000.000 đồng của anh Đào Thanh T và chị Đỗ Thị H. Bị cáo Đinh Thu Q đã bồi thường số tiền 26.000.000 đồng cho anh T, chị H. Vì vậy bản cáo trạng số 326/CT-VKS, ngày 21/11/2024 đã truy tố đối với bị cáo Đinh Thu Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi. Vì vậy cần phải ra bản án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; Bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương và có nơi cưu trú rõ ràng. Vì vậy xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có cơ hội sửa chữa và cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Xét bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Dương Thị M khai: M khai không biết trường hợp anh Đào Thanh T đến gặp Q nộp hồ sơ và tiền cọc để đi xuất khẩu lao động. Anh Nguyễn Hữu V (con trai chị M) khẳng định: Không nhận khoản tiền 26.000.000 đồng từ Đinh Thu Q. Vì vậy ngoài lời khai của bị cáo Q và anh H không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng M nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Dương Thị M và Nguyễn Hữu V. Ngày 03/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận B đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số: 5172/QĐ-ĐTTH, ngày 03/11/2024 đối với hành lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của Dương Thị

M và Nguyễn Hữu V để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo cáo Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Q được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo ăn năn hôi cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã khắc phục hậu quả; người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo Điểm b,i,s Khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại đã nhận lại tài sản do các bị cáo chiếm đoạt nên không có yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- 01 phiếu thu nội dung: Người nộp tiền Đỗ Thị H lý do nộp tạm giữ hộ lao động số tiền 02 triệu đồng, người nhận Đinh Thu Q và 01 phiếu thu nội dung: Người nộp tên Đào Thanh T, lý do nộp tạm giữ hộ lao động số tiền 24 triệu đồng, người nhận Đinh Thu Q đã được giám định theo Kết luận giám định số 9032 ngày 26/02/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ viết, chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ chữ viết, chữ ký dưới mục "Người Nộp tiền") so với chữ viết, chữ ký của bị cáo Q trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết, ký ra được lưu trong hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đinh Thu Q phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm b,i,s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.Xử phạt: Bị cáo Đinh Thu Q 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày Tòa tuyên án. Giao bị cáo Đinh Thu Q về UBND xã V, huyện M, Thành phố H giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xét.

3. Án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

+ Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án

+ Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng
- VKSND quận B;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Công an quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Quang H